

Số: 101/2019/QĐST - HNGĐ

N, ngày 14 tháng 11 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 85/2019/TLST- HNGĐ, ngày 15 tháng 07 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Anh **Lương Văn T** – Sinh năm: 1982.

Địa chỉ: Thôn H, xã X, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Chị **Lê Thị D** – Sinh năm: 1984.

Địa chỉ: Thôn H, xã X, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào Điều 144, 147, 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; 57; 58; 68; 69; 70; 71; 72 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 6, 19, 26 và Điều 27 của nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 11 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện và hoà giải thành ngày 06/11/2019 là tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Lương Văn T và chị Lê Thị D.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* *Về hôn nhân:* Anh Lương Văn T và chị Lê Thị D đều có ý kiến chung, cùng thống nhất: Anh, chị kết hôn với nhau vào ngày 08/01/2018, có giấy chứng nhận kết hôn do UBND xã X, huyện N cấp trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện không ai bị lừa dối, ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm

lẫn nhau. Đến nay vợ chồng đã sống ly thân nhau không ai quan tâm, chăm sóc gia đình chung. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cả anh T và Chị D đều thống nhất thỏa thuận, thuận tình ly hôn.

** Về con chung:* Anh Lương Văn T và chị Lê Thị D đều có ý kiến chung, cùng thống nhất: Trong quá trình chung sống vợ chồng không có con chung và Anh Lương Văn T có 02 con riêng. Cháu thứ nhất tên là: Lương Thị P - Giới tính: Nữ - Sinh ngày: 07/9/2005. Cháu thứ hai tên là Lương Văn H – Giới tính Nam. Sinh ngày: 10/06/2010. Cả hai cháu phát triển bình thường về thể lực và trí lực, không ốm đau bệnh tật gì. Anh Lương Văn T và chị Lê Thị D đều có ý kiến chung, thống nhất là: Giao các cháu Lương Thị P và Lương Văn H cho Anh Lương Văn T (Là bố đẻ) trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng các cháu cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi); Cả Anh T và chị D không đặt ra vấn đề cấp dưỡng hàng tháng (Vì cả hai cháu đều là con riêng của Anh T).

** Về tài sản và các nghĩa vụ chung:* Anh Lương Văn T và chị Lê Thị D đều có ý kiến chung, cùng thống nhất: Vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết trong vụ án này.

** Về án phí:* Anh Lương Văn T và chị Lê Thị D đều có ý kiến chung, cùng thống nhất: Anh Lương Văn T phải chịu 150.000 đồng tiền án phí DS - HNGĐ sơ thẩm nhưng hiện tại anh đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, theo biên lai thu tiền số AA/2016/0001920, ngày 15 tháng 07 năm 2019. Nên anh Lương Văn T được nhận lại 150.000 đồng tiền án phí; Chị Lê Thị D không phải chịu án phí DS-HNGĐ sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THA DS huyện N;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- UBND xã X, huyện N;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký và đóng dấu)

Ngô Công Tuấn